

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-PT
Ngày 18 tháng 02 năm 2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Minh;
Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28A/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị B, sinh năm 1988 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

HKTT: Thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh;

Hiện trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn: Anh H, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn L, xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là chị Trần Thị B trình bày: Chị và anh H kết hôn vào ngày ngày 22 tháng 9 năm 2006 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại

UBND xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và làm ăn tại Cộng hòa liên bang Nga. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do anh H chơi bời cờ bạc, nợ nần. Năm 2013, do không có khả năng trả nợ nên anh H phải về Việt Nam sinh sống. Khi về nước, anh H mang theo cháu Thế Anh, bỏ chị và cháu Nam Anh ở lại sinh sống bên xứ người. Từ đó, vợ chồng ly thân, không quan hệ qua lại gì với nhau. Năm 2018, chị về Việt Nam sinh sống nhưng vợ chồng cũng không liên hệ gì với nhau. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm và xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thế Anh, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2007 và Phạm Nam Anh, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013. Ly hôn, chị xin nuôi cháu Phạm Nam Anh và đồng ý để anh H nuôi cháu Phạm Thế Anh, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh H trình bày: Anh công nhận lời khai của chị B về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Về quan hệ hôn nhân: Do chị B thay tính đổi nết, thường xuyên về kiểm soát gây sự với anh, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Đầu năm 2014 anh về nước, chị B vẫn sinh sống bên Nga. Từ đó, vợ chồng ly thân, không quan hệ qua lại gì với nhau. Nay chị B xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn chị B.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị B trình bày là đúng. Ly hôn, anh xin nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị B đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh đã căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 5, Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị B nuôi dưỡng cháu Phạm Nam Anh, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013; Giao cho anh H nuôi dưỡng cháu Phạm Thế Anh, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2007. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa chị B, anh H do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 12 năm 2019, anh H kháng cáo một phần quyết định bản án sơ thẩm với nội dung: Anh không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc giao con chung là cháu Phạm Nam Anh cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đề nghị cấp phúc thẩm giao cả hai con chung cho anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần quyết định của bản án sơ thẩm; xử cho anh H được trực tiếp chăm sóc hai con chung là cháu Phạm Nam Anh, sinh năm 2013 và cháu phạm Thế Anh, sinh năm 2007, cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của anh H trong thời hạn luật định nên được Tòa án xem xét.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh H kết hôn vào ngày 22 tháng 9 năm 2006 tại UBND xã D, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và tuân thủ các quy định của pháp luật. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị B là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị B yêu cầu ly hôn, anh H cũng đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị B và anh H. Các đương sự không kháng cáo nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về con chung: Anh H và chị B có 02 người con chung là cháu Phạm Nam Anh, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013 và cháu Phạm Thế Anh, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2007. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu Phạm Nam Anh cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Thế Anh cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H kháng cáo không đồng ý và đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy, cả anh H và chị B đều có chỗ ở và công việc ổn định nên cả hai đều có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm, chị B cho rằng cả hai con chung còn nhỏ, hai cháu hiện đang chung sống với anh H nên việc tách các cháu ra sẽ ảnh hưởng tới tâm lý và cuộc sống của các cháu. Do vậy, chị đồng ý để cho anh H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét thấy, lý do của chị B đưa ra và việc đồng ý giao cả hai con chung cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là

không trái với quy định của pháp luật; không trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục; phù hợp với kháng cáo và nguyện vọng của anh H. Kháng cáo của anh H là có căn cứ, cần được chấp nhận và cần phải sửa một phần quyết định bản án sơ thẩm.

[4] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh H được chấp nhận nên anh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ Luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh H. Sửa một phần quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 28A/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 5, Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị B và anh H thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Trần Thị B và anh H là: Cháu Phạm Nam Anh, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2013 và cháu Phạm Thế Anh, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2007 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, công nợ và các quan hệ khác phát sinh từ quan hệ hôn nhân giữa chị B, anh H: Do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

- Chị Trần Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị B đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số: AA/2018/0001216 ngày 10 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

- Anh H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh H số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2018/0001272 ngày 10 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã D, Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Văn Giáp

